

Bản án số: 36/2024/HNGĐ-ST
Ngày 25-4-2024
V/v tranh chấp “Xin ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Khánh
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Tạ Huyền Thanh
Ông Vũ Xuân Chính

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Tú Hương là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ngày 25 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 220/2023/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2024/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Hồng N, sinh năm 1978 (xin vắng).

Địa chỉ: Khóm T, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Ông Trần Hoàng H, sinh năm 1971 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm T, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày yêu cầu:***

- Về hôn nhân: Vào năm 2001 qua thời gian tìm hiểu nên bà N và ông H tiến đến hôn nhân, hôn nhân tự nguyện có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương và có lập thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau vào ngày 05/5/2010.

Sau khi thành hôn vợ chồng chị sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không có tiếng nói chung nên thường xuyên cãi nhau dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc.

Vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2021 đến nay. Trong thời gian ly thân vợ chồng có hàn gắn hôn nhân nhưng không đạt kết quả. Nay tình cảm vợ chồng không thể tồn tại, đời sống chung không đạt hạnh phúc nên bà N yêu cầu ly hôn với ông Trần Hoàng H.

- Về con chung: Có 02 người con tên Trần Hoàng T (nam), sinh năm 2002 và Trần Ngọc H1 (nữ), sinh ngày 11/8/2007. Khi ly hôn Hoàng T đã trưởng thành

không yêu cầu Tòa án giải quyết, bà N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng Ngọc H1, vấn đề cấp dưỡng không đặt ra.

- Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về công nợ: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Quá trình giải quyết vụ án bị đơn trình bày yêu cầu:*

- Về hôn nhân: Ông H và bà N có thời gian tìm hiểu và kết hôn trên tinh thần tự nguyện vào năm 2001 có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương và có lập thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau vào ngày 05/5/2010.

Quá trình chung sống, giữa ông bà cũng có xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nhưng theo ông không đến mức trầm trọng phải ly hôn, ông H mong muốn vợ chồng hàn gắn hôn nhân để cùng nhau chung sống lại và cùng nhau chăm sóc con cái.

- *Về con chung:* Có 02 người con tên Trần Hoàng T (nam), sinh năm 2002 và Trần Ngọc H1 (nữ), sinh ngày 11/8/2007. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N thì Hoàng T đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn Ngọc H1 có nguyện vọng theo ai người đó nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra.

- *Về chia tài sản chung và công nợ:* Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Bà Nguyễn Hồng N yêu cầu ly hôn với ông Trần Hoàng H, đây là tranh chấp xin ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; ông Trần Hoàng H có nơi cư trú tại khóm T, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau nên theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Bà Nguyễn Hồng N có đơn xin xét xử vắng mặt yêu cầu của đương sự phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ông Trần Hoàng H được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng đương sự vẫn vắng mặt, áp dụng vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xử vắng mặt ông Trần Hoàng H là có căn cứ.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Hồng N và ông Trần Hoàng H tiến tới hôn nhân trên tinh thần tự nguyện vào năm 2001 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau vào ngày 05/5/2010 tại Giấy chứng nhận kết hôn số 99 vì vậy quan hệ hôn nhân của ông bà được pháp luật công nhận là vợ chồng hợp pháp.

Quá trình chung sống, giữa bà N và ông H thường xuyên bất hòa do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, mâu thuẫn kéo dài khiến bà N không còn tình cảm với

ông H nên cương quyết ly hôn với ông H, Tòa án đã tổ chức hòa giải để hàn gắn hôn nhân cho ông bà, ông H mong muốn hàn gắn hôn nhân với bà N nhưng không có thiện chí vì hiện tại ông bà đã sống ly thân từ đầu năm 2021 đến nay mà vẫn không giải quyết được mâu thuẫn. Chứng tỏ ông bà không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc nhau mà mỗi người chỉ biết bản thân người đó, mục đích hôn nhân không đạt được.

Từ những lẽ đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N với ông H theo quy định tại Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

- Về nuôi con chung: Có 02 người con tên Trần Hoàng T (nam), sinh năm 2002 và Trần Ngọc H1 (nữ), sinh ngày 11/8/2007. Khi ly hôn Hoàng T đã trưởng thành nên bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết, bà N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng Ngọc H1. Tại biên bản ghi ý kiến của con chung khi ly hôn ngày 13 tháng 11 năm 2023, Ngọc H1 có nguyện vọng sống với mẹ. Do đó, Hội đồng xét xử tôn trọng nguyện vọng của cháu Ngọc H1 giao cháu Trần Ngọc H1 (nữ), sinh ngày 11/8/2007 cho bà N tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom chăm sóc con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung và công nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự "*Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó*", do đương sự không đặt ra yêu cầu nên không xem xét là có cơ sở.

- Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch, bà N phải chịu 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bà N được đối trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Hồng N được ly hôn với ông Trần Hoàng H.

- Về con chung: Giao cháu Trần Ngọc H1 (nữ), sinh ngày 11/8/2007 cho bà N tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom chăm sóc con mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung và công nợ: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

- Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch 300.000 đồng bà Nguyễn Hồng N phải chịu. Ngày 23 tháng 10 năm 2023 bà N đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0016321 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Năm Căn được đối trừ, án phí hôn nhân bà N đã nộp đủ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự”.

Án xử sơ thẩm, các đương sự vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự.
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Minh Khánh